TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2021/QĐST - DS	*Quảng Ninh, ngày 06 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2021, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 19/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B, địa chỉ: Tòa nhà C, số 109 Trần Hưng Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Q. (thực hiện theo quyết định số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017 của Tổng giám đốc NHTMCP B về việc ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng đối với Giám đốc chi nhánh). Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phan Công S, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Quảng Ninh, chi nhánh Q.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N,

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Hiện nay tạm trú tại: thôn B, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 457/2015/HĐTD.450 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 457/2015/KUNN.450 ngày 09/10/2015; Hợp đồng tín dụng số 362/2016/HĐTD.450 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 362/2016/KUNN.450 ngày 10/6/2016 bà Nguyễn Thị N thống nhất thanh toán

toàn bộ tiền gốc và tiền lãi phát sinh còn nợ của Ngân hàng TMCP B tính đến ngày 28/4/2021 là là 93.747.617đ (Chín mươi ba triệu, bảy trăm bốn mươi bảy ngàn, sáu trăm mười bảy đồng), trong đó nợ gốc 68.233.443 đồng; Lãi trên nợ gốc: 23.918.157 đồng; Lãi trên nợ gốc quá hạn: 1.596.017đồng;

Thời hạn trả nợ cụ thể như sau:

- Đến ngày 31/12/2021 bà Nguyễn Thị N trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền 16.000.000 đ (mười sáu triệu đồng) tiền gốc.

- Đến ngày 31/12/2022 bà Nguyễn Thị N trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền 24.000.000 đ (Hai mươi bốn triệu đồng) tiền gốc.

- Đến ngày 31/12/2023 bà Nguyễn Thị N trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền 24.000.000 đ (Hai mươi bốn triệu đồng) tiền gốc.

- Đến ngày 31/12/2024 bà Nguyễn Thị N trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Đ số tiền 29.747.617 đ (Hai mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm mười bảy đồng) tiền gốc, tiền lãi và lãi trên gốc quá hạn.

Kể từ ngày 29/4/2021 bà Nguyễn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 457/2015/HĐTD.450 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 457/2015/KUNN.450 ngày 09/10/2015; Hợp đồng tín dụng số 362/2016/HĐTD.450 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 362/2016/KUNN.450 ngày 10/6/2016.

Trong trường hợp chị Nguyễn Thị N vi phạm bất kỳ một kỳ trả nợ nào như đã cam kết thì Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu chị Nhung thanh toán toàn bộ nợ một lần.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng Thương mại cổ phần B và bà Nguyễn Thị N thỏa thuận giao cho bà Nguyễn Thị N phải chịu nộp: 2.343.000 (Hai triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 2.357.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai số AA/2017/0007206 ngày 02/4/2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- THADS huyện Quảng Ninh;

THẨM PHÁN

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Châu Mạnh Cường